

CHIẾN THẮNG VÀM NAO - CỔ HỒ QUA GHI CHÉP CỦA “KHÂM ĐỊNH TIỂU BÌNH LƯƠNG KÌ NGHỊCH PHỈ PHƯƠNG LƯỢC CHÍNH BIÊN”

TRẦN THỊ MAI*

1. Vài nét về sách “Khâm định tiểu bình lương kì nghịch phỉ phương lược chính biên”

Khâm định tiểu bình lương kì nghịch phỉ phương lược chính biên là bộ sách do Cơ Mật viện, Bộ Binh và Nội các triều Nguyễn biên soạn theo chỉ dụ của vua Minh Mệnh. Bộ sách được biên soạn theo thể thức thực lục, tức biên chép các sự kiện liên quan theo trình tự thời gian ngày, tháng, năm. Nội dung bộ sách tập hợp toàn bộ công văn, chỉ dụ của vua Minh Mệnh, các bản tấu, biểu của các đại thần, tướng lĩnh trực tiếp cầm quân từ năm 1833 đến năm 1835 trong khi làm nhiệm vụ đánh dẹp các cuộc nổi dậy trong nước và cuộc xâm lược của Xiêm. *Khâm định tiểu bình lương kì nghịch phỉ phương lược chính biên* gồm 153 quyển, chia làm 5 phần:

- Phần 1, gồm ba quyển: *Quyển đầu* (Tổng mục, các bài tấu biểu xin biên soạn, báo cáo sách đã hoàn thành và xin được khắc in), 2 quyển *Thiên chương Ngự chế thư* (tập hợp 72 bài thơ với lời chú của vua Minh Mệnh về tâm trạng của nhà vua qua diễn biến trấn áp các cuộc nổi dậy của quần chúng trong nước).

- Phần 2, gồm 80 quyển: *Khâm định tiểu bình Bắc Kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*, chép từ ngày Giáp Ngọ, tháng

Giêng, năm Minh Mệnh thứ 14 (13-3-1833) đến ngày Bính Dần, tháng 8, năm Minh Mạng thứ 16 (1-10-1835). Nội dung liên quan đến cuộc nổi dậy ở Bắc Kỳ của Lê Duy Lương và Nông Văn Vân.

- Phần 3, gồm 47 quyển: *Khâm định tiểu bình Nam Kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*, chép từ ngày Bính Thân, tháng 5, năm Minh Mệnh thứ 14 (13-7-1833) đến ngày Mậu Dần, tháng 8, năm Minh Mệnh thứ 16 (13-10-1835). Nội dung ghi chép về toàn bộ quá trình cuộc binh biến của Lê Văn Khôi ở Gia Định.

- Phần 4, gồm 15 quyển: *Khâm định tiểu bình Xiêm khấu phương lược chính biên*, chép từ ngày Bính Tuất, tháng 9, năm Minh Mệnh thứ 14 (31-10-1833) đến ngày Đinh Hợi, tháng 7, năm Minh Mệnh thứ 15 (28-8-1834). Nội dung ghi chép về quá trình quân đội triều Nguyễn đánh đuổi quân xâm lược Xiêm ra khỏi bờ cõi.

- Phần 5, gồm 80 quyển: *Khâm định tiểu Bình Thuận tỉnh man phỉ phương lược phụ biên*, chép từ ngày Tân Mão, tháng 2, năm Minh Mệnh thứ 16 (28-3-1835) đến ngày Tân Mão, tháng 11, năm Minh Mệnh thứ 16 (24-12-1835). Nội dung ghi chép về quá trình trấn áp những cuộc nổi dậy của các dân tộc ít người vùng núi hai tỉnh Bình Thuận và Khánh Hòa.

*PGS.TS. Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Tp.Hồ Chí Minh

Năm 2009, Viện Sử học đã công bố bản dịch *Khâm định tiểu bình lương kì nghịch phỉ phương lược chính biên* (Ghi chép về phương lược đánh dẹp loạn nghịch ở Bắc Kì và Nam Kì) do hai dịch giả Đỗ Mộng Khương và Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch. Năm 2012, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã xuất bản bộ sách (1) nhân kỉ niệm 55 năm thành lập Nhà xuất bản.

Nội dung bài viết của chúng tôi được khai thác sử liệu trong phần 4. *Khâm định tiểu bình Xiêm khấu phương lược chính biên* của bộ sách này. Ngoài ra, chúng tôi có đối chiếu với một số tài liệu khác viết về trận Vàm Nao - Cổ Hồ để thông tin thêm chuẩn xác.

2. Địa danh Vàm Nao - Cổ Hồ

Vàm Nao là con sông nối sông Tiên với sông Hậu, có chiều dài hơn 6,5 km. Sông Vàm Nao dưới thời Nguyễn còn có các tên gọi khác là Hồi Oa, Vàm Giao, Thuận Phiếm, Thuận Cảng. “Kênh Thuận cách huyện Đông Xuyên 58 dặm về phía đông nam, rộng 4 trượng, sâu 1 trượng, cửa trên tự Tiên Giang chia ra, chảy về phía nam chừng 13 dặm, cửa dưới thông với sông Hậu” (2). Sách *Gia Định thành thông chí* cũng cho biết: “Vàm Giao tục viết là Vàm Náo, chữ Náo không đúng, nay đổi là chữ Giao, nên gọi là Vàm Giao. Cửa trên ở về phía nam sông Tiên, rộng 8 tầm, sâu 2 tầm chảy về phía nam 75 dặm rưỡi, đến cửa dưới hợp với sông Hậu; bờ tây có sở thủ ngự, ven sông dân Kinh khai khẩn ruộng vườn, rừng rậm ở phía sau là sóc, sách của dân Cao Mên” (3). Như vậy, từ Châu Đốc theo sông Châu Đốc xuôi dòng vào sông Hậu rồi rẽ vào cửa dưới sông Vàm Nao, từ đó tiến đến cửa trên Vàm Nao sẽ ra sông Tiên. Trên bản đồ An Giang hiện nay, sông Vàm Nao là ranh giới tự nhiên giữa huyện Phú Tân và huyện Chợ Mới.

Cổ Hồ còn có tên gọi là sông Cổ Hũ, sông Trà Thôn, sông Tú Điền. Sông Cổ Hồ chảy

theo hướng tây nam, điểm đầu thông với sông Tiên, điểm cuối thông với sông Ông Chuông (sông Lễ Công). Nơi ngã ba sông, thời vua Gia Long đã cho đắp Thủ sở Chiến Sai để phòng thủ. Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết “Sông Tú Điền ở bờ phía nam sông Tiên Giang, cách huyện Đông Xuyên 77 dặm về phía đông nam, rộng 4 trượng, sâu 3 thước, phía tây nam suốt đến sông Lễ Công, trước kia có thủ sở Chiến Sai ở đây, nay bỏ, lại có tên nữa là sông Trà Thôn, ven sông có vườn ruộng dân cư, phía sau đều là rừng rậm, mùa Thu mùa Đông có thể đi thuyền, mùa Xuân mùa Hè nước cạn, người ta đắp đê để bắt tôm cá” (4). Kênh Trà Thôn ngày nay chảy qua địa phận hai xã Long Điền A và Long Điền B (Chợ Mới, An Giang) với chiều dài khoảng 4,2 km (5). Hiện nay, nhân dân địa phương vẫn còn lưu giữ các địa danh chợ Thủ, đình Chợ Thủ.

Trong cuộc kháng chiến chống Xiêm xâm lược cuối năm 1833, đầu năm 1834, sông Vàm Nao và sông Cổ Hồ có vị trí địa chiến lược quan trọng đối với cả hai phía. Đối với quân Xiêm, sau những thắng lợi chớp nhoáng bước đầu, tạm chiếm được Hà Tiên, Châu Đốc, tuyến Vàm Nao - Cổ Hồ được chọn làm hướng tiến công chính để quân Xiêm nhanh chóng tiến sang sông Tiên. Ý đồ của quân Xiêm sẽ mở rộng đánh chiếm các tỉnh Vĩnh Long, Định Tường và tiến thẳng đến tỉnh Gia Định phối hợp với quân nổi dậy của Lê Văn Khôi, từ đó đánh chiếm toàn Nam Kì. Đối với các lực lượng quân đội và dân binh được triều đình Huế tổ chức (gọi chung là quân Nguyễn), việc lập phòng tuyến chốt chặn quân Xiêm tại Vàm Nao, Cổ Hồ có ý nghĩa chiến lược không chỉ trong việc tiêu diệt lực lượng quân Xiêm, giành lại Hà Tiên, Châu Đốc, chặn bước tiến của địch, mà còn tiến lên đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Xiêm, đồng thời, củng cố vị thế của triều đình Nguyễn trên đất Chân Lạp.

3. Bối cảnh trận Vàm Nao - Cổ Hồ

Nước Xiêm dưới triều Rama III (1824-1851) có nhiều thuận lợi lớn: Kinh tế nông nghiệp và thương nghiệp phát triển, quân đội được huấn luyện và trang bị theo mô hình châu Âu. Về đối ngoại, Xiêm đã kí với Anh Hiệp ước hòa bình (năm 1825) nên rảnh tay trong đối phó với Miến Điện ở mạn Bắc; sáp nhập được lãnh thổ Lào vào Xiêm (năm 1831). Từ đây, Xiêm ngày càng bộc lộ rõ tham vọng đông tiến hướng sang Chân Lạp và Nam Kỳ của Việt Nam. Quan hệ hữu hảo hình thức giữa Xiêm và Việt Nam được thiết lập dưới triều Rama I và Gia Long trở nên mong manh khi cả Rama III và Minh Mệnh cùng chọn biện pháp cứng rắn trong xử lí một vấn đề chung là sự “thần phục kếp” của vương triều Chân Lạp.

Cơ hội đã đến với Xiêm vào năm 1833, khi cuộc binh biến của Lê Văn Khôi nổ ra ở thành Gia Định và lan rộng ra các tỉnh Nam Kỳ đã bị triều đình Huế phái quân lực khống chế. Lê Văn Khôi phải rút vào cố thủ trong thành Gia Định. Cùng đường, Lê Văn Khôi đã cầu viện Xiêm. Chớp thời cơ không thể thuận lợi hơn, Rama III cấp tốc huy động lực lượng xâm lược Chân Lạp và Nam Kỳ. Tháng 11 năm Quý Tị (tháng 12-1833), Rama III cử các tướng Phi Nhã Chát Tri (Chao Phraya Bodindecha/Bodin) và Phi Nhã Phật Lăng (Phra Klang) chỉ huy một lực lượng lớn hàng mấy vạn quân, chia làm 5 đạo đánh sang Việt Nam. Mục tiêu chính của Xiêm là xâm chiếm Nam Kỳ (6).

Thông tin Lê Văn Khôi viết thư gửi vua Xiêm cầu viện và kế hoạch huy động lực lượng xâm lược Chân Lạp và Nam Kỳ của Xiêm liên tục được báo về triều đình Huế qua các kênh tuần thám từ Chân Lạp và Hà Tiên từ các ngày 16, 17 tháng 11 năm Quý Tị (26, 27-12-1833). Dù còn hoài nghi, vua Minh Mệnh vẫn ra lệnh cho “Trần Văn Năng hoặc Tống Phúc Lương và lữ Trương Minh Giảng đem 3, 4 nghìn quân đi nhanh

đến An Giang và chia phòng Nam Vang cốt xem cơ sự mà làm”, đồng thời gấp rút tăng cường phương tiện, vũ khí cho các tỉnh Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Triều đình cũng lệnh cho các tỉnh Nam Kỳ nhanh chóng tổ chức các đội hương dũng trong dân, mỗi tỉnh vài nghìn người và lập tức chở 5.000 phương gạo từ Định Tường và Vĩnh Long đến An Giang dự trữ để tiếp tế khi có chiến sự xảy ra (7).

Từ ngày 20 đến ngày 22 tháng 11 năm Quý Tị (30-12-1833 và 1-1-1834), quan tỉnh An Giang (Đặng Văn Bằng, Bùi Văn Lý, Nguyễn Đăng Huyền) cấp báo về Kinh các cánh quân của Phi Nhã Chát Tri và Phi Nhã Phật Lăng đã chia đường tiến quân. Tiếp đó, ngày 25 tháng 11 năm Quý Tị (4-1-1834), Tuần phủ Hà Tiên là Trịnh Đường cấp báo hơn 100 thuyền chiến quân Xiêm đã kéo vào Hà Tiên từ hướng cửa biển Kim Dữ và dà Thị Lý, nhưng biên binh trấn giữ Hà Tiên chỉ có 200 người, “Thần đã nhiều lần tư tỉnh lân cận cùng quân thứ thành Gia Định xin đến cứu, đến nay chưa thấy đến” (8). Vua Minh Mệnh truyền chỉ mắng quở các tướng Trần Văn Năng, Tống Phúc Lương, Trương Minh Giảng,... chậm trễ tiếp ứng và lệnh phải cấp tốc “đi thuyền đến An Giang, tùy cơ đánh chống, nay cho lập tức nhanh chóng tiến quân. Một mặt chia đi Nam Vang để trấn áp, một mặt lấy thêm binh, thuyền đi nhanh đến Hà Tiên chống giữ cốt phải xét kĩ cơ nghi làm cho đúng” (9).

Xiêm một mặt chủ động tấn công vào Chân Lạp và Hà Tiên, mặt khác tăng cường khuấy rối biên giới Việt - Lào nhằm phân tán lực lượng quân Nguyễn. Với ưu thế về binh lực, ngày 25 tháng 11 năm Quý Tị (4-1-1834), quân Xiêm ồ ạt tấn công, đến giờ Mùi (13-15 giờ chiều) thì chiếm được Hà Tiên. Cùng ngày này, cánh quân Phi Nhã Chát Tri cũng chiếm được Nam Vang. Thừa thắng, hai cánh quân Xiêm gấp rút cùng tiến đến An Giang. Ngày 29 tháng 11

năm Quý Tị (8-1-1834) quân Xiêm chiếm được Náo Khẩu trên sông Vĩnh Tế. Ngày 30 tháng 11 (9-1-1834), quân Xiêm bốn mặt vây đánh và chiếm được đồn Châu Đốc, quan quân tỉnh An Giang và lực lượng Hà Tiên của Trịnh Đường phải lui về Tân Thành chờ tiếp viện. Việc thiếu hụt viện binh trong nhận định tình hình và chậm trễ trong điều động binh lực chống Xiêm là nguyên nhân dẫn đến thất bại của quân đội nhà Nguyễn ở Hà Tiên, Nam Vang và Châu Đốc. Vua Minh Mệnh phải cấp tốc phái 6, 7 nghìn tinh binh và 4, 5 nghìn binh dũng các tỉnh theo hai đường thủy, bộ tiến vào Nam để cùng An Giang chống Xiêm và phối hợp hạ thành Phiên An tiêu diệt lực lượng Lê Văn Khôi (10).

4. Chiến thắng Vàm Nao - Cổ Hồ

Trận Vàm Nao

Giành được thắng lợi ban đầu, quân Xiêm hợp quân dùng thuyền chiến đổ xuống theo sông Tiên, tập trung quân, lập nhiều đồn ở hai bên bờ sông Vàm Nao (Thuận Cảng) thông đến Hậu Giang (11). Vàm Nao trở thành điểm tập kết của đại binh Xiêm.

Ngày 1 tháng 12 năm Quý Tị (10-1-1834), quân nhà Nguyễn do Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân chỉ huy mới tới được đầu tỉnh An Giang. Các lực lượng quân ở An Giang, Hà Tiên và lực lượng bổ sung từ Vĩnh Long nhanh chóng hội quân vào lực lượng quân Trương Minh Giảng rồi tiếp tục ngược sông Tiên tiến lên. Tổng số quân đội nhà Nguyễn là 800 quân (gồm 500 quân của Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân, 200 quân địa phương An - Hà và 100 quân của Vĩnh Long). Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân một mặt đốc thúc quân tiến nhanh về Vàm Nao, một mặt cho người theo các con rạch vòng xuống khu vực sông Hậu thám thính tình hình.

Chiều tối ngày 3 tháng 12 năm Quý Tị (12-1-1834), các quân Nguyễn tập kết tại

ngã ba sông Tiên - sông Vàm Nao, chủ động tấn công quân Xiêm (12).

Nghe tin quân Nguyễn kéo vào Vàm Nao, tổ chức tấn công, quân Xiêm lập tức tổ chức phản công. Thế nhưng, trời tối, lại vấp phải hỏa lực mạnh của quân Nguyễn, quân Xiêm bị tổn thất khá nặng, buộc phải rút lui vào trong cảng giữ chỗ hiểm chống giữ. “Bọn giặc ấy trước đặt đồn ở tả hữu 2 bờ sông, lại đem 17 thuyền kiểu nước Xiêm, hai thuyền hải đạo, hai thuyền điện hải xen vào thuyền ô, lê, chu cùng các hạng thuyền nhỏ hơn 100 chiếc chặn sông chống giữ” (13). Trương Minh Giảng cho quân giữ cửa cảng ngăn chặn.

Sáng sớm ngày 5 tháng 12 năm Quý Tị (14-1-1834), Trương Minh Giảng tổ chức đồng loạt tấn công các đồn của quân Xiêm ở hai bờ sông Vàm Nao. Giao tranh diễn ra ác liệt từ giờ Mão đến giờ Tị (từ 5 giờ đến 11 giờ sáng) thì quân Nguyễn chiếm được 2 đồn của quân Xiêm ở Vàm Nao, thu được nhiều vũ khí, phương tiện của quân Xiêm (14). Nhận được tin chiến thắng báo về, vua Minh Mệnh phấn khởi truyền dụ “Lần này người Xiêm bỏ hòa hiếu gây hiểm thù dám vào ăn cướp. Lũ Tham tán Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân đem quân đánh giỏi, đốc sức tướng sĩ lấy ít thắng nhiều, liên phá hai trại giặc, đốt thuyền giặc, chém đầu giặc và thu được nhiều súng khí giới. Thế là quân ta mới trận đầu giao chiến đã được liên tiếp thắng trận đủ làm tiếng trước cho đại quân, thực đáng khen lắm” (15).

Bị thất bại, lực lượng của Xiêm liên tập hợp lại, “đặt kè ở hai bờ sông chống giữ”. Xét thấy chiều gió không thuận, Trương Minh Giảng cho thu quân, chờ thời cơ phản công.

Những ngày tiếp theo, hai bên diễn ra một vài trận giao chiến nhưng đều không chọc thủng được phòng tuyến của đối phương. Trong những ngày này, quân Trương Minh Giảng nhận thêm viện binh từ Gia Định, do hai tướng Tống Phúc

Lương, Trần Văn Trí chỉ huy. Ngày 12 tháng 12 năm Quý Tị (21-1-1834), Tổng Phúc Lương chia quân làm hai cánh trước sau cùng tấn công vào hệ thống phòng thủ của Xiêm nhưng không thu được kết quả. Xét thấy lực lượng và khí tài của quân Xiêm đang áp đảo, Tổng Phúc Lương, Trương Minh Giảng cho quân lui về lập tuyến phòng thủ ở ngã ba sông Tiên và sông Cổ Hồ, đồng thời báo cáo về triều đình “quân giặc nhiều, quân ta ít, chưa phân được thua. Thu quân lui về đồn Chiến Sa thủ cố, tùy cơ phòng ngự. Hiện nay thế giặc đương mạnh, việc khẩn cấp. Tư xin thượng khẩn trừ biện pháp nhiều thuyền quân đến hợp sức đánh giặc cho kịp sự cơ, khỏi để giặc lan tràn” (16). Vua Minh Mệnh truyền dụ “giặc từ xa đến, đánh ngay thì lợi. Nay giặc đóng ở Thuận Cảng chống giữ muốn toàn giằng dai, chắc là chúng không làm gì được. An Giang đường sông nhiều ngả rất là hiểm yếu. Cho lũ tướng quân [Tổng Phúc Lương, Trương Minh Giảng] tham tán nên xét kĩ cơ đánh giữ. Hoặc đại binh chặn trước không cho giặc tiến một tấc nào, mà sai một toán quân đi đường rẽ quanh ra đằng sau, cắt đứt đường vận lương của giặc. Hoặc chặt cây gỗ chặn lấp đường đi, chọn chỗ xung yếu đánh giữ, thì giặc ở cửa cảng cũng chết thôi. Nếu giặc dời quân trở lại, thế chia sức yếu, quân ta tiến đánh ngay, tất thắng được trận” (17). Nhà vua ra lệnh các tỉnh điều quân phối hợp với mặt trận An Giang. Triều đình cũng phái 30 thuyền lớn bọc đồng, 100 thuyền hải đạo, 50 thuyền diện hải các tỉnh đi đường biển đến Hà Tiên chặn các cửa biển, để chặn quân Xiêm rút về (18).

Quân Nguyễn dựng đồn đắp lũy hai bên bờ sông Cổ Hồ, bày thuyền chiến chốt giữ trên sông Tiên, lập thế trận thủy, bộ liên kết vững chắc. Các đạo viện binh cũng lần lượt kéo đến. Như vậy, mặt trận An Giang trở thành nơi tập trung binh lực lớn của cả

hai phía. Cả quân Xiêm và lực lượng quân Nguyễn đều chọn phương cách đóng đồn phòng ngự, chờ thời cơ phản công.

Trận Cổ Hồ

Ngày 16 tháng 12 năm Quý Tị (25-1-1834), quân Xiêm tổ chức hơn 100 chiến thuyền từ Thuận Cảng xuôi theo sông Tiên phản công quân Nguyễn, “sớm ngày 16, thuyền giặc từ thượng lưu mà xuống thuyền lớn, thuyền nhỏ rất nhiều, không biết bao nhiêu. Lại có bộ binh tự bờ hữu qua sang bờ tả sấn lại đồn ta vây đánh” (19). Trận chiến diễn ra từ giờ Tị đến giờ Thân (từ 11 giờ trưa đến 17 giờ), hai bên dàn thuyền ngang giữa dòng giữ nhau. Trên bờ bộ binh cũng dàn trận đối đầu “bọn giặc bị thương chết nhiều dân phải lui, nhưng giặc nhiều quân ta ít, lại bị giặc ở trên thuyền bắn súng ngăn chặn” (20) nên quân Nguyễn dưới sự chỉ huy của Tổng Phúc Lương phải thu quân về đồn. Đêm 16 tháng 12 năm Quý Tị, quân Xiêm mở nhiều đợt tấn công vào đồn trại của quân Nguyễn kéo dài đến giờ Thìn (7-9 giờ) ngày 17 tháng 12. Những ngày liên sau đó, quân Xiêm từ các thuyền lớn và các lũy mới lập “đặt súng lớn ngày đêm reo hò bắn súng ở ngoài đồn quân ta”. Nhưng quân Xiêm không thể giành được quyền chủ động, trái lại còn bị tổn thất khá lớn, tướng Phi Nhã Nhữ Lạc bị tử trận (21). Quân Nguyễn bắn trả và chọn thế phòng ngự, đợi “hợp nhiều thuyền quân thủy, bộ cùng tiến góp sức cùng đánh, may ra một trận thành công” (22).

Để khích lệ quân sĩ tại mặt trận Cổ Hồ, vua Minh Mệnh truyền dụ khen ngợi tinh thần quân sĩ, cấp ngân bài thưởng công cho binh sĩ, thưởng cấp cho tướng lĩnh nếu bắt, giết được giặc. Đồng thời, Lê Đại Cương thống lĩnh hai vệ Thần Uy, Hùng Vũ gồm 1.262 người, Nguyễn Văn Thụy đem 65 biên binh cùng 15 voi chiến, hiệp cùng Lê Đại Cương tiến thẳng đến đạo Quang Hóa lập đồn phòng giữ chặt những nơi quan yếu

để ngăn quân Xiêm. Trần Văn Năng nhận nhiệm vụ thay Tống Phước Lương ở mặt trận An Giang. Quân Nguyễn ở An Giang được tiếp thêm đạo thuyền quân vệ Thần Vũ và binh dũng hai tỉnh Vĩnh Long, Định Tường “Binh dũng ở An Giang không kém vạn người, thuyền, súng, khí giới, thuốc đạn, hỏa khí tải đến, dùng đến cái gì cũng thừa thãi” (23).

Canh 5 đêm 20 tháng 12 (30-1-1834), quân Xiêm nhân nước triều xuống, từ hai bờ sông Cổ Hồ “thả bè hỏa công, toan muốn chặn thuyền quân ta” đồng thời, đốc toàn lực tấn công vào đồn trại của quân Nguyễn.

Đã chuẩn bị phòng vệ từ trước, quân Nguyễn cho thu thuyền về hai bên bờ sông tránh thế trận hỏa công, đồng thời bố trí trận địa thủy bộ liên hoàn, chống trả quyết liệt. Quân vệ Phạm Hữu Tâm đốc chiến trận này cho “Quân ta ở trên lũy hoặc đâm chém, hoặc bắn súng ngay lúc ấy... các thuyền cự hải bơi lên bắn súng to, một mặt bắn chặn thuyền quân giặc, một mặt bắn chéo sang bờ bên tả, bắn vào quân bộ của giặc từ giờ Dần đến giờ Tỵ (3-11 giờ sáng), giặc bị thương chết, thấy nằm ngang lên nhau, bèn dần dần lui” (24). Trận đánh kết thúc lúc trời gần tối. Hàng ngàn binh sĩ của Phi Nhã Chất Tri phải vùi xác trên chiến trường, trong đó có em trai của Chất Tri là tướng Phi Nhã Phiên Đình (25).

Trong lúc quân Xiêm đang bị tiêu diệt ở Cổ Hồ thì chúng lại nhận được tin báo cánh quân Xiêm được phái theo đường bộ qua ngã Chân Lạp đã bị quân Nguyễn đánh tan ở Quang Hóa. Vừa bị tổn thất nặng nề về binh lực, khí tài, vừa hoang mang dao động về tinh thần, nội bộ quân Xiêm rơi vào mâu thuẫn, bất đồng sâu sắc. Phi Nhã Chất Tri muốn tiếp tục tấn công quân Nguyễn hy vọng xoay chuyển tình hình, Phi Mã Phật Lăng trái lại chủ trương rút quân. Cuối cùng, Phi Mã Chất Tri buộc phải nhượng bộ, ngày 22 và 23 tháng 12 năm Quý Tị

(31-1 và 1-2-1834), Phi Mã Chất Tri cho quân đánh nghi binh để đại quân theo sông Tiền ngược lên Thuận Cảng, rút về Châu Đốc (26). Sách *Đại Nam thực lục* chép về sự kiện này rõ hơn “Giặc Xiêm lui về đồn Châu Đốc. Trước đây, quân giặc đánh nhau với quân ta ở Tiền Giang, bị thua luôn, định rút lui, bèn ngầm đem 1 cánh quân Đà Đạo (thuộc địa giới Định Tường) ở bên hữu sông, chực đánh úp đồn hữu ngạn, nhưng biết ta đã phòng bị trước, nên cuối cùng mưu không thành, bèn đốc hết quân hướng về đồn tả ngạn, hò la bắn súng, làm ra dáng định cướp trại: từ sáng sớm đến canh tư mới im tiếng súng. Khi quan quân biết thì giặc Xiêm đã lìa trại, bỏ xác chết mà đi rồi” (27).

Như vậy, từ ngày 16 đến ngày 23 tháng 12 năm Quý Tị, với phương châm phòng ngự tích cực, chủ động tiến công, quân Nguyễn đã chiến đấu anh dũng, đập tan tất cả các cuộc tấn công của quân Xiêm vào phòng tuyến Cổ Hồ.

Thừa thắng, quân Nguyễn đuổi theo, bao vây Châu Đốc. Quân Xiêm mất hết nhuệ khí. Tướng Phi Mã Phật Lăng suy sụp, bí mật cho thủy quân rút về Hà Tiên. Phi Mã Chất Tri không còn cách nào khác phải ra mật lệnh rút lui khỏi Châu Đốc sau khi cho phóng hỏa đốt hết kho tàng, doanh trại. Sáng ngày 3 tháng 1 năm Giáp Ngọ (4-2-1834), Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân chỉ huy quân thu hồi thành Châu Đốc, rồi tiếp tục truy đuổi cánh quân của Phi Nhã Chất Tri đến tận biên giới và hợp cùng cánh quân Lê Đại Cương tiến lên đánh chiếm lại thành Nam Vang và Bắc Tầm Bôn. Ngày 5 tháng 1 năm Giáp Ngọ (6-1-1834), quân Nguyễn phản công, lấy lại Hà Tiên.

5. Tầm vóc chiến thắng Vàm Rao - Cổ Hồ

Sách *Khâm định tiểu bình Nam Kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên* ghi chép khá chi tiết những lời tấu của các tướng lĩnh, quan lại triều Nguyễn và chỉ đạo của

vua Minh Mệnh về quá trình quân đội nhà Nguyễn đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của Xiêm ở mặt trận An Giang. Qua đó cho thấy chiến thắng Vàm Nao - Cổ Hồ là kết quả của sự tính toán, xoay chuyển tình thế, hình thái chiến trường rất nhanh chóng, linh hoạt và hiệu quả của các vị chỉ huy quân đội nhà Nguyễn ở mặt trận An Giang nửa cuối tháng 1 năm 1834. Với ưu thế binh lực và tận dụng yếu tố bất ngờ, cánh quân chủ lực của Xiêm đã giành được thắng lợi bước đầu, chiếm đóng Hà Tiên, Châu Đốc - những địa bàn trọng yếu ở Nam Kỳ. Quân Nguyễn sau những lúng túng, thất bại bước đầu đã nhanh chóng được tổ chức lại và xây dựng được kế hoạch chống Xiêm hợp lý trên cơ sở phối hợp giữa kìm chân quân Xiêm ở mặt trận An Giang, vây hãm lực lượng Lê Văn Khôi ở thành Gia Định và triển khai khóa chặt vùng biên giới Quang Hóa (Tây Ninh) ngăn quân Xiêm tràn sang theo ngã Chân Lạp. Tại Vàm Nao - Cổ Hồ, quân Nguyễn ban đầu chủ động tấn công, nhưng nhận rõ sự bất lợi trong tương quan thế và lực so với quân Xiêm nên đã chuyển sang thế phòng ngự chủ động, tích cực. Nhờ đó đã vô hiệu hóa được kế hoạch mở rộng chiếm đóng của quân Xiêm xuống các tỉnh trung và hạ lưu sông Tiền. Chiến thắng Vàm Nao tiếp đó là chiến thắng Cổ Hồ là thắng lợi của thế trận phòng ngự - phản công, không chỉ bẻ gãy chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của quân Xiêm, mà còn đẩy chúng vào thế phải bám đuổi và phải đánh theo cách đánh của ta. Chiến thắng Vàm Nao - Cổ Hồ đã bổ sung những kỹ thuật tác chiến và bài học thực tiễn quý giá vào kho tàng nghệ thuật quân sự chống ngoại xâm của dân tộc.

Với việc đẩy lui cánh quân chủ lực của Xiêm, chiến thắng Vàm Nao - Cổ Hồ là tiền đề quan trọng tạo ra bước ngoặt của cuộc chiến chống xâm lược. Từ sau chiến thắng

lịch sử này, quân Nguyễn bắt đầu chuyển sang thế phản công trên khắp các mặt trận Tây Nam Kỳ, mặt trận Chân Lạp và mặt trận biên giới Lào - Việt. Nhận định tình hình sau chiến thắng Cổ Hồ, vua Minh Mệnh đã chỉ đạo cho các tướng lĩnh ngoài mặt trận “Nay người Xiêm việc này trái lẽ quen nghĩa, nay đã bị nhứt mũi nhọn, cơ có thể đánh tràn, chóng nên chặn đường về đánh một phen rất dữ, khiến cho nó lâu dài không dám trông thẳng nước ta mới là đắc sách” (28). Đồng thời lệnh cho Lê Đại Cương, Nguyễn Hoàng Thỏa “dốc sức binh dũng cùng thổ binh Cao Miên thẳng tiến, hội đồng với quan quân đạo Bình Khẩu ra sức hợp lại cùng đánh, cốt đem giặc Xiêm bắt chém sạch đi, thu phục đất Cao Miên cho yên cõi ngoài biên” (29).

Đối với Xiêm, cử Phi Mã Chất Tri là viên tướng có tài, tổng chỉ huy quân sự của Xiêm làm chỉ huy lực lượng xâm lược, trực tiếp cầm đầu cánh quân chủ lực, Rama III đặt nhiều tham vọng vào một chiến thắng để thực hiện đông tiến thành công. Thế nhưng, mọi toan tính của Rama III và tài thao lược của Phi Mã Chất Tri đều bị nhấn chìm chóng vánh ở mặt trận An Giang. Thất bại ở Vàm Nao - Cổ Hồ, tướng Phi Mã Chất Tri-tổng chỉ huy lực lượng xâm lược buộc phải chọn đường lui binh để bảo toàn lực lượng. Phi Mã Chất Tri định sửa sai bằng nỗ lực giành giật quyền kiểm soát Chân Lạp với quân Nguyễn. Tuy nhiên, quân Xiêm cũng không thể đứng chân trên đất Chân Lạp được bởi quyết tâm chiến đấu cao của quân Nguyễn. Trận Vàm Nao - Cổ Hồ do đó có ý nghĩa như một trận quyết chiến lược đập tan kế hoạch mượn danh nghĩa giúp đỡ Lê Văn Khôi để xâm lược Gia Định và thôn tính Chân Lạp của Xiêm. Sau khi chiếm lại được thành Nam Vang, nhà Nguyễn đưa Ang Chan II trở lại ngai vàng, thực thi chính sách bảo hộ

Chân Lạp. Vị thế của Xiêm ở Chân Lạp sụt giảm khi Đại Nam đã mở rộng quản lý một vùng lãnh thổ kéo dài đến Biển Hồ Tonle Sap trên danh nghĩa bảo hộ chính

quyền Chân Lạp. Quan hệ chính trị quyền lực Việt - Xiêm chuyển sang giai đoạn căng thẳng, dẫn đến cắt đứt quan hệ ngoại giao trong hơn 10 năm tiếp sau đó.

CHÚ THÍCH

(1). Sách in làm hai tập: Tập 1. *Khâm định tiểu bình Bắc Kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*; Tập 2. *Khâm định tiểu bình Nam Kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*; *Khâm định tiểu bình Xiêm khấu phương lược chính biên*; *Khâm định tiểu bình Thuận tỉnh man phỉ phương lược phụ biên*.

(2), (4). Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5 (phần tỉnh An Giang), Bản dịch Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006, tr. 201.

(3). Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 57.

(5). Căn cứ hình thái chiến trường được mô tả trong các bộ sử của nhà Nguyễn (*Đại Nam thực lục*, *Tiểu bình Xiêm khấu*) và kết quả khảo sát thực địa về địa bàn diễn ra trận Cổ Hồ, sông Cổ Hồ chính là một đoạn của sông Tiền kéo dài từ Nam Cù lao Tây đến Bắc Cù lao Giêng.

(6). Kế hoạch triển khai các mũi tấn công của Xiêm như sau: *Đạo thứ nhất* do Phi Nhã Chất Tri chỉ huy gồm 4 vạn quân từ Battambang theo đường bộ tiến vào Chân Lạp, đánh chiếm Nam Vang, rồi theo sông Mêkong thẳng xuống đánh chiếm Châu Đốc để tới Gia Định. *Đạo thứ hai*, do Phi Nhã Phật Lăng chỉ huy gồm 1 vạn quân từ Chanturi theo đường biển tấn công chiếm Hà Tiên, rồi hội quân với Phi Nhã Chất Tri đánh chiếm các tỉnh Nam Kỳ và tiến đến Gia Định. “Người nước Xiêm kéo đại binh vào lấn cướp nước ta. Trước kia, khi nghịch Khôi khởi loạn, sai người đưa thư sang nước Xiêm, xin Xiêm phái binh đánh nước Chân Lạp rồi thẳng đến Gia Định. Hấn hẹn sau khi việc thành, xin dâng đất và thần phục. Người Xiêm mê hoặc, mới rầm rộ đem binh thuyền thủy bộ, ba đạo đều tiến: một đạo từ đường bộ Bắc Tầm Bôn kéo đến, dùng Phi Nhã Chất Tri làm chức Điều bát và mang theo hai em của Quốc trưởng nước Chân Lạp là Nặc Yêm và Nặc Giun cùng đi; một đạo từ đường thủy Biển Hồ đổ lại, dùng Phi Nhã Phi Mục Thiệp Mang làm Điều bát;

một đạo nữa từ đường biển Chân Bôn kéo lên, dùng Phi Nhã Phật Lăng làm Điều bát” (Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 3, 2007, tr. 981, 982). *Đạo thứ ba* theo đường bộ đánh lấy Cam Lộ (Quảng Trị). *Đạo thứ tư* theo đường bộ đánh lấy Nghệ An. *Đạo thứ năm* theo đường bộ đánh lấy Trấn Ninh. Thông tin về việc điều động binh lực của Xiêm được ghi trong *Đại Nam thực lục* trùng khớp với thông tin được ghi trong sách của Walter F. Villa, *Siam under Rama III (1824-1851)*, New York, 1957, tr. 97.

(7). Cơ Mật viện - Nội các triều Nguyễn, *Khâm định tiểu bình lương kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*, tập 2, *Khâm định tiểu bình Nam Kỳ nghịch phỉ phương lược chính biên*, Bản dịch Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2012, tập 2, tr.1228, 1229.

(8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18), (19), (20), (21), (22), (23), (24), (28), (29). Cơ Mật viện - Nội các Triều Nguyễn (2012), sdd, tr. 1232, 1232, 1252, 1253, 1253, 1253, 1254, 1255, 1267, 1272, 128, 1290, 1295, 1301, 1295-1296, 1298, 1301, 1312, 1315.

(25). Trận đánh này, *Đại Nam thực lục* chép tương tự: quân Xiêm ở trên thượng nguồn sông, dùng bè lửa ngăn thuyền chu sư của ta. Trương Minh Giảng sai Quản vệ Phạm Hữu Tâm ở trên đồn hoặc đâm đánh, hoặc bắn súng, giết được nhiều giặc. Lại ở trên các thuyền Cự Hải lấy đại bác, mặt trước, bắn vào thuyền giặc, bên cạnh, bắn vào bộ binh của giặc bên tả: từ giờ Dần đến giờ Tỵ giặc chết ngổn ngang, thầy chồng lên nhau. Chúng liền rút lui, quân ta cũng đóng lại (Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), tập 4, tr. 11).

(26). Cơ Mật viện - Nội các triều Nguyễn (2012), tập 2, tr. 1310; Walter F. Villa, *Siam under Rama III (1824-1851)* (1957), tr. 98.

(27). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Bản dịch Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 4, tr. 19.